

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	
Ông Lê Mạnh Hoàn	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/05/2024

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Phương Dung	Trưởng ban	Đã nộp đơn từ nhiệm ngày 31/10/2024
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	
Bà Hoàng Thanh Mai	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Minh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 08/10/2024
Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/10/2024
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 08/10/2024
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 31/05/2024

Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 03/12/2024
Ông Ngô Mạnh Tuấn	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2024
Bà Nguyễn Thị Thảo	Phó Phòng – phụ trách Phòng Tài chính kế toán	Miễn nhiệm ngày 02/12/2024 Bỏ nhiệm ngày 15/01/2024
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Trưởng phòng Tài chính kế toán – Phụ trách kế toán	Tuyển dụng ngày 05/09/2024 Thôi việc ngày 20/09/2024
Bà Trương Thị My	Phó Phòng – phụ trách Phòng Tài chính kế toán	Miễn nhiệm ngày 14/01/2024

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Văn Minh Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Văn Minh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Số: 284 /2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 24/03/2025, từ trang 06 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hà Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Lê Đức Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		537.734.045.161	515.083.442.852
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.205.454.330	287.772.136.417
Tiền	111		12.392.336.522	112.084.136.417
Các khoản tương đương tiền	112		15.813.117.808	175.688.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	411.640.000.000	191.686.439.347
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		411.640.000.000	191.686.439.347
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.157.336.008	29.790.990.124
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	85.720.140.151	21.812.549.094
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		202.337.339	218.541.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.318.269.642	7.759.900.030
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(83.411.124)	-
Hàng tồn kho	140	V.5	5.351.074.064	5.164.748.138
Hàng tồn kho	141		5.351.074.064	5.164.748.138
Tài sản ngắn hạn khác	150		380.180.759	669.128.826
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	380.180.759	25.587.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	643.541.826
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		469.368.901.342	469.512.285.913
Tài sản cố định	220		23.292.135.284	9.351.366.719
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	23.023.688.394	9.351.366.719
- Nguyên giá	222		296.819.162.991	279.442.505.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(273.795.474.597)	(270.091.139.101)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	268.446.890	-
- Nguyên giá	228		1.582.960.000	1.243.840.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.314.513.110)	(1.243.840.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	15.444.444.444
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	15.444.444.444
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	444.721.401.977	444.506.475.500
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		447.305.948.664	447.305.948.664
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		5.766.336.836	5.766.336.836
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.350.883.523)	(8.565.810.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.355.364.081	209.999.250
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	1.355.364.081	209.999.250
TỔNG TÀI SẢN	270		1.007.102.946.503	984.595.728.765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		145.038.921.629	144.453.685.848
Nợ ngắn hạn	310		144.988.921.629	144.453.685.848
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	36.488.785.626	128.035.610.424
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.337.569.619	232.348.930
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	4.913.375.845	6.462.437.531
Phải trả người lao động	314		2.183.937.979	6.001.654.569
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	5.074.874.671	150.397.252
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	503.245.070	1.295.054.923
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	92.509.236.135	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		977.896.684	2.276.182.219
Nợ dài hạn	330		50.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	337		50.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		862.064.024.874	840.142.042.917
Vốn chủ sở hữu	410	V.14	862.064.024.874	840.142.042.917
Vốn góp của chủ sở hữu	411		599.101.330.000	599.101.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		599.101.330.000	599.101.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.771.566	1.123.771.566
Quỹ đầu tư phát triển	418		168.189.656.117	168.189.656.117
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.649.267.191	71.727.285.234
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		39.866.187.984	15.720.883.633
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		53.783.079.207	56.006.401.601
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.007.102.946.503	984.595.728.765

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	681.740.913.400	410.675.541.794
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		681.740.913.400	410.675.541.794
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	600.166.954.228	347.450.400.454
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.573.959.172	63.225.141.340
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.050.112.114	19.153.849.807
Chi phí tài chính	22	VI.4	6.579.803.456	(1.949.287.405)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.432.740.899	
Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.181.346.853	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.777.618.321	14.739.065.976
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.085.302.656	69.589.212.576
Thu nhập khác	31		96.068.245	236.905.403
Chi phí khác	32		124.366.512	637.482
Lợi nhuận khác	40		(28.298.267)	236.267.921
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.057.004.389	69.825.480.497
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	13.273.925.182	13.819.078.896
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.783.079.207	56.006.401.601
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	898	1.136
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		898	1.009

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		67.057.004.389	69.825.480.497
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.775.008.606	2.941.584.906
Các khoản dự phòng	03		(131.515.353)	(1.962.240.000)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.697.609	12.952.595
(Lãi) lỗ hoạt động đầu tư	05		(15.986.958.487)	(17.508.892.801)
Chi phí lãi vay	06		2.432.740.899	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.153.977.663	53.308.885.197
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(61.902.283.427)	539.480.051
(Tăng) hàng tồn kho	10		(186.325.926)	(249.303.116)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11		(76.283.228.999)	106.290.151.366
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(1.427.725.351)	20.284.910
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.504.974.138)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.520.045.758)	(10.631.942.660)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		96.068.245	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.205.516.285)	(1.555.358.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(103.780.053.976)	147.722.197.748
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.379.777.171)	(3.336.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	220.555.555
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(411.640.000.000)	(294.556.439.347)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		191.686.439.347	169.342.392.485
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.986.958.487	11.684.923.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(218.346.379.337)	(116.644.567.552)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	250.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		235.725.460.135	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(143.216.224.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.955.066.500)	(27.226.356.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		62.554.169.635	222.773.643.300
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(259.572.263.678)	253.851.273.496
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	287.772.136.417	33.917.322.974
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.581.591	3.539.947
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	28.205.454.330	287.772.136.417

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000123 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/11/2001 và các lần thay đổi. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827 và hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 17 ngày 14/10/2024. Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DXP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 17 của Công ty là 599.101.330.000 VND được chia thành 59.910.133 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2024 là 190 người (tại ngày 01/01/2024 là 203 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: dịch vụ bốc xếp hàng hóa; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải; kinh doanh nhựa đường.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ nâng cầu hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác – dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là: Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 17/10/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ vốn góp của công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Hà Nội	47,06%	47,06%	Buôn bán nguyên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Hà Nội	39,00%	39,00%	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán, các số liệu này có thể so sánh được với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu bằng đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức dự phòng bằng lỗ sau thuế chưa phân phối tại thời điểm trích lập dự phòng nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại bên nhận đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích dự phòng của bên được đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tài sản cố định và hao mòn (tiếp)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

10. Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả và dự phòng phải trả (tiếp)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. Ghi nhận doanh thu (tiếp)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được;
- Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. Thuế (tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi tùy theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế Việt Nam hiện hành.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

17. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hóa tại thành phố Hải Phòng, hoạt động thương mại là hoạt động không thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	69.204.496	2.715.029
Tiền gửi ngân hàng	12.323.132.026	112.081.421.388
Các khoản tương đương tiền (i)	15.813.117.808	175.688.000.000
	<u>28.205.454.330</u>	<u>287.772.136.417</u>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2% - 3,7%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	411.640.000.000	411.640.000.000	191.686.439.347	191.686.439.347
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	411.640.000.000	411.640.000.000	191.686.439.347	191.686.439.347
	<u>411.640.000.000</u>	<u>411.640.000.000</u>	<u>191.686.439.347</u>	<u>191.686.439.347</u>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6% - 5,2%/năm.

Trong đó, số dư tiền gửi theo 02 hợp đồng tiền gửi số 010.200924.001/VIB-DN và 010.281024.001/VIB-DN, tổng số tiền 30.400.000.000 đồng là tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên kết	447.305.948.664	(7.890.544.187)	447.305.948.664	(8.565.810.000)
- Công ty CP Tập đoàn Tratigroup (i)	400.000.000.000	(*)	400.000.000.000	(*)
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (ii)	47.305.948.664	(*)	47.305.948.664	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	5.766.336.836	21.026.268.000	5.766.336.836	18.049.536.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (iii)	1.203.026.136	18.428.418.000	1.203.026.136	16.119.261.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (iv)	1.563.310.700	2.597.850.000	1.563.310.700	1.930.275.000
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng (v)	3.000.000.000	(*)	3.000.000.000	(*)

(*) Đối với các khoản số (i), (ii) và (v) là các công ty chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐOẠN XÁ
Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Tại ngày 31/12/2024, thông tin về các Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Phòng 1303, tầng 13, toà nhà Tungshing Square, số 02 đường Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Buôn bán nguyên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản	47,06%	47,06%
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Phòng 1502 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam	39,00%	39,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, dịch vụ kho bãi và đại lý hàng hóa	3,525%	3,525%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Căng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hóa đa phương thức, dịch vụ hàng hải	0,56%	0,56%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	Tòa nhà MB, số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng, dịch vụ môi giới chứng khoán, quản lý quỹ, kinh doanh địa ốc, bảo hiểm, quản lý nợ và khai thác tài sản	0,002%	0,002%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết, các khoản đầu tư tài chính trong năm:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 400.000.000.000 đồng, chiếm 47,06% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vạn tài Hàng công nghệ cao với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 47.305.026.136 đồng, chiếm 39,00% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.
- (iii) Tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với số lượng 224.190 cổ phần, tương đương 1.203.026.136 đồng, chiếm 0,56% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP.

Giá đóng cửa của cổ phiếu DVP tại ngày 31/12/2024 là 82.200 đồng/cổ phần, tại ngày 31/12/2023 là 71.900 đồng/cổ phần.

- (iv) Tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội với số lượng 103.500 cổ phần, tương đương 1.563.310.700 đồng, chiếm 0,002% vốn điều lệ.

Ngân hàng TMCP Quân Đội hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu MBB.

Giá đóng cửa của cổ phiếu MBB tại ngày 31/12/2024 là 25.100 đồng/cổ phần, tại ngày 31/12/2023 là 18.650 đồng/cổ phần.

- (v) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hải Hải Phòng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 3.000.000.000 đồng, tương đương 300.000 cổ phần, chiếm 3,525% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang tạm ngừng hoạt động.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao Thông	66.339.464.040	1.384.624.800
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vạn tài biển Quốc Tế	7.169.849.173	13.256.468.840
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	951.790.500	905.590.800
Các đối tượng khác	11.259.036.438	6.265.864.654
	<u>85.720.140.151</u>	<u>21.812.549.094</u>

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.c.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	286.445.000	-	102.589.201	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.000.000	-	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngắn hạn	4.990.704.160	-	6.742.472.704	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	672.570.000	-	560.475.000	-
- Các đối tượng phải thu khác	352.550.482	-	354.363.125	-
	6.318.269.642	-	7.759.900.030	-

- (i) Khoản cổ tức được nhận liên quan đến khoản đầu tư 224.190 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (Cảng Đình Vũ) chiếm 0,56% vốn điều lệ của Cảng Đình Vũ. Ngày 05/12/2024, Công ty Cổ phần Cảng Đình Vũ thông báo tạm ứng cổ tức năm 2024 với mức tạm ứng 30% vốn điều lệ, theo đó Công ty sẽ nhận được cổ tức với số tiền là 672.570.000 đồng.

5. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.092.201.483	-	4.203.150.130	-
Công cụ, dụng cụ	674.672.567	-	961.598.008	-
Hàng hóa	584.200.014	-	-	-
	5.351.074.064	-	5.164.748.138	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	380.180.759	25.587.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	136.613.189	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	243.567.570	25.587.000
Dài hạn	1.355.364.081	209.999.250
- Chi phí kiểm định, nạo vét	1.277.148.439	102.000.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	78.215.642	107.999.250
	1.735.544.840	235.586.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	62.221.033.501	9.940.221.561	205.051.113.281	2.230.137.477	279.442.505.820
Mua trong năm	-	-	1.809.000.000	123.212.727	1.932.212.727
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	15.444.444.444	-	15.444.444.444
31/12/2024	62.221.033.501	9.940.221.561	222.304.557.725	2.353.350.204	296.819.162.991
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(61.736.099.479)	(9.843.262.225)	(196.309.893.692)	(2.201.883.705)	(270.091.139.101)
Khấu hao trong năm	(308.483.999)	(96.959.336)	(3.261.607.776)	(37.284.385)	(3.704.335.496)
31/12/2024	(62.044.583.478)	(9.940.221.561)	(199.571.501.468)	(2.239.168.090)	(273.795.474.597)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	484.934.022	96.959.336	8.741.219.589	28.253.772	9.351.366.719
31/12/2024	176.450.023	-	22.733.056.257	114.182.114	23.023.688.394

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 258.329.433.091 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 256.799.047.732 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	1.243.840.000	1.243.840.000
Mua trong năm	200.000.000	200.000.000
Nâng cấp phần mềm	139.120.000	139.120.000
31/12/2024	1.582.960.000	1.582.960.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(1.243.840.000)	(1.243.840.000)
Khấu hao trong năm	(70.673.110)	(70.673.110)
31/12/2024	(1.314.513.110)	(1.314.513.110)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	-	-
31/12/2024	268.446.890	268.446.890

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.243.840.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.243.840.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu vật tư Giao thông	20.940.949.581	20.940.949.581	-	-
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	2.495.991.247	2.495.991.247	865.569.348	865.569.348
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	1.683.307.781	1.683.307.781	2.213.582.518	2.213.582.518
Công ty cổ phần VN ASPHALT	1.370.930.000	1.370.930.000	-	-
Trafigura PTE Limited	3.618.021.600	3.618.021.600	-	-
Pacific Wells PTE LTD	3.587.360.400	3.587.360.400	-	-
Glory Internaional FZ-PLC	-	-	107.309.468.026	107.309.468.026
Công ty Cổ phần Thiết bị Bê tông VIPEC	-	-	13.344.000.000	13.344.000.000
Các đối tượng khác	2.792.225.017	2.792.225.017	4.302.990.532	4.302.990.532
	36.488.785.626	36.488.785.626	128.035.610.424	128.035.610.424

Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.c.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Số đã thực nộp/ khấu từ trong năm		Số đã thực nộp/ khấu từ trong năm		31/12/2024	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp/ khấu từ trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp/ khấu từ trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp/ khấu từ trong năm VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	96.049.905.984	-	95.367.742.510	-	95.367.742.510	-	682.163.474
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.434.438.043	13.275.725.182	6.434.438.043	15.520.045.758	6.434.438.043	15.520.045.758	6.434.438.043	4.190.117.467
Thuế thu nhập cá nhân	27.999.488	2.536.631.064	27.999.488	2.523.535.648	27.999.488	2.523.535.648	27.999.488	41.094.904
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.232.557.800	-	4.232.557.800	-	4.232.557.800	-	-
Các loại thuế khác	-	4.493.427	-	4.493.427	-	4.493.427	-	-
	6.462.437.531	116.099.313.457	6.462.437.531	117.648.375.143	6.462.437.531	117.648.375.143	6.462.437.531	4.913.375.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Chi phí điện, nước, điện thoại	83.624.834	-
- Lãi vay ngân hàng	72.233.239	-
- Tiền thù lao Hội đồng quản trị	400.000.000	-
- Bổ sung thu nhập lương tháng 13	4.000.000.000	-
- Các khoản trích trước khác	519.016.598	150.397.252
	<u>5.074.874.671</u>	<u>150.397.252</u>

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	500.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	-	269.220.044
- Kinh phí công đoàn	225.385.533	366.764.213
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	79.179.000	77.007.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	198.680.537	82.063.366
	<u>503.245.070</u>	<u>1.295.054.923</u>

Trong đó, phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.c.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	92.509.236.135	92.509.236.135	235.725.460.135	143.216.224.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	13.900.000.000	13.900.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	11.816.224.000	11.816.224.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Quảng Ninh (*)	92.509.236.135	92.509.236.135	92.509.236.135	-	-	-
- Cá nhân (Lê Thu Phương)	-	-	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
Cộng	92.509.236.135	92.509.236.135	235.725.460.135	143.216.224.000	-	-

(*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Quảng Ninh theo hợp đồng tín dụng số 1260824.24 ngày 28/08/2024 với hạn mức cho vay là 150.000.000.000 đồng, và khế ước nhận nợ số 1260824.24.01 ngày 29/10/2024 với số tiền vay là 92.509.236.135 đồng với lãi suất cho vay là 4,75%/năm, có định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến 14/04/2025.

Mục đích vay là thanh toán tiền nhập khẩu nhựa đường.

Tài sản bảo đảm gồm:

- Hàng hóa hình thành trong tương lai (là nhựa đường) chỉ bảo đảm cho hạn mức mở LC;
- Sổ tiết kiệm, tiền gửi (có kỳ hạn/không kỳ hạn), hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi do VIB phát hành (chi nhận VND/USD) thuộc sở hữu của khách hàng/Bên thứ 3; đảm bảo tín dụng cho 30% số dư tín dụng (tài sản đảm bảo nêu trên bao gồm nhưng không giới hạn các quyền, lợi tức, tiền lãi, các khoản thanh toán mà Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá có thể được phát sinh từ tài sản cầm cố);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	272.820.270.000	1.248.771.566	222.647.646.117	66.476.120.633	563.192.808.316
- Tăng vốn trong năm	250.000.000.000	-	-	-	250.000.000.000
- Lãi trong năm	-	-	-	56.006.401.601	56.006.401.601
- Chia cổ phiếu thưởng từ Quỹ đầu tư phát triển	54.457.990.000	-	(54.457.990.000)	-	-
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	21.823.070.000	-	-	(21.823.070.000)	-
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(27.232.167.000)	(27.232.167.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
- Giảm khác	-	(125.000.000)	-	-	(125.000.000)
31/12/2023	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	71.727.285.234	840.142.042.917
01/01/2024	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	71.727.285.234	840.142.042.917
- Lãi trong năm	-	-	-	53.783.079.207	53.783.079.207
- Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	(1.904.230.750)	(1.904.230.750)
- Trả cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	-	(29.955.066.500)	(29.955.066.500)
- Giảm khác	-	-	-	(1.800.000)	(1.800.000)
31/12/2024	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	93.649.267.191	862.064.024.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2024, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 để trích lập Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi với số tiền lần lượt là 700.000.000 đồng; 504.230.750 đồng và 700.000.000 đồng.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2024, Công ty đã phê duyệt chia cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tổng số tiền là 29.955.066.500 đồng. Công ty đã thông qua chia cổ tức với số tiền 29.955.066.500 đồng trong năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23/2024/DXP/HQ-HĐQT ngày 13/06/2024, với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 27/06/2024.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm 2024		Năm 2023	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ (%)
Ông Hoàng Văn Quang	78.051.600.000	13,03	78.051.600.000	13,03
Ông Nguyễn Văn Thúc	55.000.000.000	9,18	55.000.000.000	9,18
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	600.000	0,00010	32.487.600.000	5,42
Các cổ đông khác	466.049.130.000	77,79	433.562.130.000	72,37
	599.101.330.000	100	599.101.330.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	599.101.330.000	599.101.330.000
- Vốn góp đầu năm	599.101.330.000	272.820.270.000
- Vốn tăng trong năm	-	326.281.060.000
- Vốn góp cuối năm	599.101.330.000	599.101.330.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.955.066.500	27.226.356.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.910.133	59.910.133
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu phổ thông	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu phổ thông	59.910.133	59.910.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	168.189.656.117	168.189.656.117

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	5.488,29	5.488,29

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	569.986.118.734	288.659.384.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.754.794.666	122.016.157.171
	<u>681.740.913.400</u>	<u>410.675.541.794</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.b.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	541.327.245.782	285.115.907.774
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.839.708.446	62.334.492.680
	600.166.954.228	347.450.400.454

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	14.253.783.487	15.561.912.246
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.733.175.000	1.726.425.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.572.036	1.865.512.561
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.581.591	-
	16.050.112.114	19.153.849.807

4. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.432.740.899	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.348.709.834	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.279.200	12.952.595
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(214.926.477)	(1.962.240.000)
	6.579.803.456	(1.949.287.405)

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.730.818.719	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	126.444.803	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	99.284.232	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.603.084.830	-
Chi phí bằng tiền khác	1.621.714.269	-
	7.181.346.853	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.797.976.382	6.219.975.710
Chi phí vật liệu quản lý	387.261.436	454.056.762
Chi phí đồ dùng văn phòng	252.745.460	158.554.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	842.419.714	810.372.218
Thuế phí, lệ phí	4.235.557.800	4.240.558.000
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	83.411.124	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.874.746.218	1.182.749.943
Chi phí bằng tiền khác	1.303.500.187	1.672.799.301
	16.777.618.321	14.739.065.976

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	6.324.770.699	7.602.115.020
Chi phí nhân công	37.778.814.810	33.384.999.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.775.008.606	2.941.584.907
Chi phí mua ngoài	29.485.071.090	24.844.750.811
Chi phí khác	5.990.331.354	9.008.020.360
	83.353.996.559	77.781.470.618

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.057.004.389	69.825.480.497
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	1.052.606.522	996.338.982
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	335.000.000	-
- Các khoản phạt	88.723.718	-
- Các khoản chi phí không được trừ khác	628.882.804	996.338.982
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(1.739.985.000)	(1.726.425.000)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(1.733.175.000)	(1.726.425.000)
- Tiền thưởng từ cơ quan nhà nước	(6.810.000)	-
Thu nhập tính thuế	66.369.625.911	69.095.394.479
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.273.925.182	13.819.078.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.783.079.207	56.006.401.601
Trừ: trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.904.230.750)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.783.079.207	54.102.170.851
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	59.910.133	47.627.121
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	898	1.136

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa có số liệu để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024. Số liệu trích lập sẽ được căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh do Công ty đã thực hiện trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2024.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Các bên liên quan

<u>Tên bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Hoàng Văn Quang Công ty Cổ phần Tratimex P&L	Chủ tịch HĐQT và cổ đông lớn Cùng thành viên ban lãnh đạo và cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao Công ty Cổ phần VN ASPHALT	Công ty liên kết Công ty liên kết Công ty con của Công ty liên kết
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	Chi nhánh của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	Cùng Chủ tịch HĐQT
Các thành viên Ban lãnh đạo là bên liên quan của Công ty	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)

b) Giao dịch với các bên liên quan

Thù lao, phụ cấp của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	100.000.000	148.205.100
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	100.000.000	123.504.300
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Nguyên thành viên	100.000.000	61.752.100
Ông Lê Mạnh Hoàn	Thành viên	-	45.769.250
Bà Mai Thị Yên Thế	Nguyên thành viên	-	50.000.000
		300.000.000	429.230.750

Thù lao của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Hoàng Thị Phương Dung	Trưởng ban	-	30.000.000
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	20.000.000	15.000.000
Bà Hoàng Thanh Mai	Thành viên	15.000.000	15.000.000
		35.000.000	60.000.000

Thu nhập của Cán bộ quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Hoàng Văn Minh	Tổng giám đốc	106.274.380	-
Ông Lê Mạnh Hoàn	Nguyên Tổng Giám đốc	936.822.887	1.063.873.000
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	668.607.707	520.273.300
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	82.058.170	-
Ông Nguyễn Văn Thúc	Phó Tổng Giám đốc	471.577.415	-
Nguyễn Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	8.510.638	-
Bà Mai Thị Yên Thế	Nguyên Kế toán trưởng	-	200.339.582
Bà Hoàng Thị Hương	Nguyên Kế toán trưởng	-	97.882.833
		2.273.851.197	1.882.368.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)

b) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Bên liên quan	151.159.202.233	8.325.698.258
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	57.777.181.213	3.003.758.538
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	93.375.069.020	5.321.939.720
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	6.004.000	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	948.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ từ Bên liên quan	49.946.337.862	5.136.196.492
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	5.549.343.111	940.633.159
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	40.198.515.724	
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	1.220.025.957	4.195.563.333
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	2.978.453.070	
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức cho Bên liên quan	9.994.565.500	7.442.841.500
- Ông Hoàng Văn Quang	4.071.870.000	3.547.800.000
- Ông Nguyễn Văn Thức	5.362.500.000	-
- Công ty Cổ phần Tratimex P&L	30.000	3.385.800.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	560.165.500	509.241.500

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Đầu tư và Công ty liên doanh, liên kết	447.305.948.664	447.305.948.664
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	400.000.000.000	400.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	47.305.948.664	47.305.948.664
Phải thu khách hàng ngắn hạn là bên liên quan	67.291.254.540	2.290.215.600
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	951.790.500	905.590.800
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	66.339.464.040	1.384.624.800
Phải trả người bán là bên liên quan	1.370.930.000	2.213.582.518
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	1.370.930.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	-	2.213.582.518
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	1.683.307.781	-
Phải trả khác	400.000.000	500.000.000
- Các thành viên Hội đồng Quản trị	400.000.000	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

